

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**  
**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
**cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**đã được kiểm toán**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-05
Báo cáo kiểm toán	06
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	07-33
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11-12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13-33

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Simco Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, thương mại.

Tên giao dịch của Công ty là: Simco Songda Joint Stock Company. Tên viết tắt là: Simco SDA.,JSC.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103002544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/07/2003, và các đăng ký thay đổi, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ tư vấn dự học;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Tư vấn thiết kế trang web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ quản lý các khu đô thị;
- Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành nghề kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và thiết bị máy tính, điện tử, tin học, viễn thông, truyền thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ nghề cho các nghề thuộc lĩnh vực xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh thu gom, tái chế và xuất khẩu vật tư thiết bị điện, điện tử, nhựa, kim loại;
- Mua bán rác phế liệu, thủy tinh, cao su phế thải, nhựa đã qua sử dụng, thạch cao phế phẩm, sắt thép phế liệu, đồng nát;
- Mua bán và vận chuyển than;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân;
- Sản xuất và mua bán mũ bảo hiểm;
- Thiết kế sản xuất thời trang đồ nội ngoại thất (không bao gồm thiết kế nội ngoại thất công trình);
- Sáng tác, sản xuất và mua bán các loại tượng phù điêu, tranh nghệ thuật;
- Thiết kế mẫu quảng cáo và thi công các hạng mục quảng cáo;
- In ấn tranh nghệ thuật, tranh truyền thống cổ động và các văn hóa phẩm được phép lưu hành (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Sáng tác, lập dự án đầu tư, thi công xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí nội ngoại thất các công trình văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa và các công trình xây dựng khác thuộc nhóm C và một số hạng mục thuộc nhóm B;
- Kinh doanh các sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên ngành mỹ thuật, các sản phẩm mỹ thuật, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty tại: Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 105.000.000.000 VND. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, số vốn thực góp của Công ty là 90.999.890.000 VND. Tương đương 9.099.989 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### Các đơn vị thành viên:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh
- Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ - Kinh tế Simco Sông Đà	Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà	Phòng 408, Khu B, Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### Các công ty con:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Phường Thịnh Lang, TP Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình

### Các công ty liên kết:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	Số 223 Đường Lê Duẩn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điển	Cụm công nghiệp Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội
- Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà	Phường Tân Thịnh, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ Thông tin Sông Đà	Tầng 2, Khu B, Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chu Minh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Ủy viên	
Bà Đặng Thị Thường	Ủy viên	
Ông Phạm Đức Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2009
Ông Phạm Khắc Tập	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2009
Ông Tạ Quốc Trung	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2009
Ông Nguyễn Thiềm	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2009

### Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thiện Mỹ	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Hoàng Khánh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đặng Thị Thường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đức Chính	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Hữu Minh	Phó Tổng Giám đốc	Từ 01/01/2009 đến 16/09/2009
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2009
Ông Nguyễn Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/08/2009
Ông Tạ Quốc Trung	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2009

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### **Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Bà Nghiêm Thị Bồn	Trưởng ban
Ông Hà Hồng Ninh	Ủy viên
Ông Hà Quang Nhân	Ủy viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2010*  
**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Đặng Thị Thường**

Số: /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009  
của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà được lập ngày 08 tháng 03 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên**

Trong Báo cáo tài chính năm 2009, Công ty đã hạch toán giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo đăng ký của Công ty với cơ quan thuế về việc giảm thuế đối với các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Cơ quan thuế chưa có văn bản trả lời đối với Công ty về nội dung này. Trong trường hợp Công ty không được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp niêm yết thì số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm tăng thêm là: 3.529.427.648 VND (xem chi tiết tại thuyết minh số 26).

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2010*

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)  
Phó Tổng giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

**Vũ Xuân Biển**  
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

<b>Mã số</b>	<b>TÀI SẢN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>100</b>	<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>200.216.576.737</b>	<b>310.131.663.519</b>
<b>110</b>	<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>16.000.280.499</b>	<b>47.185.796.729</b>
111	1 Tiền		15.247.141.268	28.328.576.791
112	2 Các khoản tương đương tiền		753.139.231	18.857.219.938
<b>120</b>	<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>151.870.409.552</b>	<b>209.305.044.837</b>
121	1 Đầu tư ngắn hạn		151.870.409.552	209.305.044.837
<b>130</b>	<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.363.244.367</b>	<b>9.125.453.485</b>
131	1 Phải thu của khách hàng		943.546.329	4.139.690.320
132	2 Trả trước cho người bán	<b>5</b>	4.933.513.273	3.559.141.272
135	5 Các khoản phải thu khác	<b>6</b>	527.975.104	1.468.412.232
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(41.790.339)	(41.790.339)
<b>140</b>	<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>17.039.223.796</b>	<b>33.567.634.610</b>
141	1 Hàng tồn kho		17.179.790.136	33.734.489.908
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(140.566.340)	(166.855.298)
<b>150</b>	<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.943.418.523</b>	<b>10.947.733.858</b>
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		189.494.081	205.129.476
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		2.616.986.594	5.777.802.605
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	<b>8</b>	2.273.708.772	2.200.519.134
158	4 Tài sản ngắn hạn khác		3.863.229.076	2.764.282.643
<b>200</b>	<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>118.718.279.648</b>	<b>111.718.410.936</b>
<b>220</b>	<b>II Tài sản cố định</b>		<b>61.162.882.859</b>	<b>78.022.227.346</b>
221	1 Tài sản cố định hữu hình	<b>9</b>	16.545.921.979	17.677.155.475
222	- Nguyên giá		26.709.763.756	26.421.759.748
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(10.163.841.777)	(8.744.604.273)
227	3 Tài sản cố định vô hình	<b>10</b>	1.071.768.023	1.378.878.980
228	- Nguyên giá		2.831.157.800	2.831.157.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.759.389.777)	(1.452.278.820)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<b>11</b>	43.545.192.857	58.966.192.891
<b>250</b>	<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>55.383.204.734</b>	<b>30.754.033.238</b>
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		32.624.204.734	22.995.033.238
258	3 Đầu tư dài hạn khác		22.759.000.000	7.759.000.000
<b>260</b>	<b>V Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.172.192.055</b>	<b>2.942.150.352</b>
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	<b>13</b>	573.553.597	1.328.415.792
268	3 Tài sản dài hạn khác		1.598.638.458	1.613.734.560
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>318.934.856.385</b>	<b>421.850.074.455</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009  
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<b>Mã số</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<b>300</b>	<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>160.689.192.782</b>	<b>289.670.187.109</b>
<b>310</b>	<b>I Nợ ngắn hạn</b>		<b>112.990.672.482</b>	<b>202.807.151.320</b>
312	2 Phải trả người bán		12.078.329.199	12.416.621.417
313	3 Người mua trả tiền trước	14	74.791.920.249	167.528.162.093
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	154.714.445	124.434.012
315	5 Phải trả người lao động		3.778.149.252	2.366.094.603
316	6 Chi phí phải trả	16	368.860.017	598.322.785
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	20.933.623.894	19.773.516.410
320	10 Dự phòng phải trả ngắn hạn		885.075.426	-
<b>330</b>	<b>II Nợ dài hạn</b>		<b>47.698.520.300</b>	<b>86.863.035.789</b>
333	3 Phải trả dài hạn khác	18	47.597.532.151	86.724.222.760
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		100.988.149	138.813.029
<b>400</b>	<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>158.106.398.165</b>	<b>131.948.347.471</b>
<b>410</b>	<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>157.221.429.305</b>	<b>131.005.344.287</b>
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		90.999.890.000	90.999.890.000
414	4 Cổ phiếu quỹ (*)		(1.682.000)	(1.682.000)
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(101.897.617)	-
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		14.665.377.519	34.637.172
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		5.817.066.994	4.317.589.397
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.842.674.409	35.654.909.718
<b>430</b>	<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>884.968.860</b>	<b>943.003.184</b>
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		660.746.592	417.959.856
432	2 Nguồn kinh phí	20	180.000	427.460.000
433	3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		224.042.268	97.583.328
<b>439</b>	<b>C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>139.265.438</b>	<b>231.539.875</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>318.934.856.385</b>	<b>421.850.074.455</b>

## **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	356.084.531
5 Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		54.561,73	32.083,80
- Yên nhật (¥)		5.272.793,00	4.196.373,00

*Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2010*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Phạm Thị Đà Giang**

**Lê Thị Thủy**

**Đặng Thị Thường**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Năm 2009**

*Đơn vị tính: VND*

<b>Mã số</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
<b>01</b>	<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	21	<b>160.707.463.669</b>	<b>58.443.063.725</b>
<b>02</b>	<b>2 Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		<b>24.421.064</b>	<b>103.129.779</b>
<b>10</b>	<b>3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>160.683.042.605</b>	<b>58.339.933.946</b>
<b>11</b>	<b>4 Giá vốn hàng bán</b>	22	<b>126.857.292.974</b>	<b>38.298.175.958</b>
<b>20</b>	<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>33.825.749.631</b>	<b>20.041.757.988</b>
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	23	21.616.737.625	37.711.931.284
22	7 Chi phí tài chính	24	237.635.364	155.483.593
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
24	8 Chi phí bán hàng		143.728.944	395.805.758
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14.844.910.022	16.295.066.059
<b>30</b>	<b>10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>40.216.212.926</b>	<b>40.907.333.862</b>
31	11 Thu nhập khác		991.281.532	4.140.251.830
32	12 Chi phí khác		705.218.118	2.302.092.745
<b>40</b>	<b>13 Lợi nhuận khác</b>		<b>286.063.414</b>	<b>1.838.159.085</b>
<b>45</b>	<b>14 Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh</b>		<b>221.265.178</b>	<b>(283.428.248)</b>
<b>50</b>	<b>15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>40.723.541.518</b>	<b>42.462.064.699</b>
51	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	3.529.427.648	-
<b>60</b>	<b>18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>37.194.113.870</b>	<b>42.462.064.699</b>
<b>61</b>	<b>18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</b>		<b>(92.274.437)</b>	<b>50.859.673</b>
<b>62</b>	<b>18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</b>		<b>37.286.388.307</b>	<b>42.411.205.026</b>
<b>70</b>	<b>19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	27	<b>4.097</b>	<b>4.661</b>

*Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2010*  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Phạm Thị Đà Giang**

**Lê Thị Thủy**

**Đặng Thị Thường**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	<b>1 Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>40.723.541.518</b>	<b>42.462.064.699</b>
02	Khấu hao tài sản cố định		2.620.151.924	2.909.256.599
03	Các khoản dự phòng		-	84.099.957
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(108.040.615)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(21.503.387.055)	(38.030.599.755)
08	<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>21.840.306.387</b>	<b>7.316.780.885</b>
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		4.824.078.696	38.544.500
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		16.554.699.772	(29.658.848.852)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(91.090.542.873)	83.778.340.990
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		770.497.590	(1.228.851.365)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.602.617.286)	(7.359.578.843)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.692.940.000	15.072.513.417
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(33.087.436.994)	(24.926.969.672)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(79.098.074.708)</b>	<b>43.031.931.060</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(24.115.514.818)	(48.093.688.020)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		360.500.000	209.090.910
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(87.692.496.155)	(49.541.578.488)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		156.006.503.396	47.670.757.385
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(9.050.000.000)	(19.583.343.159)
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.250.000.000
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.503.387.055	37.025.122.465
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>57.012.379.478</b>	<b>(31.063.638.907)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	(1.322.000)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.099.821.000)	(6.999.964.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(9.099.821.000)</b>	<b>(7.001.286.000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
 Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2009***Đơn vị tính: VND*

<b>Mã số</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm 2009</b>	<b>Năm 2008</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(31.185.516.230)</b>	<b>4.967.006.153</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>47.185.796.729</b>	<b>42.109.556.161</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	109.234.415
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3</b>	<b>16.000.280.499</b>	<b>47.185.796.729</b>

*Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2010***Người lập****Kế toán trưởng****Phó Tổng Giám đốc****Phạm Thị Đà Giang****Lê Thị Thủy****Đặng Thị Thường**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

### **Năm 2009**

#### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**

##### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Simco Sông Đà tiền thân là Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà, được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại Sông Đà thuộc Tổng Công ty Sông Đà theo Quyết định số 627/QĐ-BXD ngày 09/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, thương mại.

Trụ sở chính của Công ty tại: Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

##### **Các đơn vị thành viên:**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
- Ban Quản lý dự án Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Quản lý Dự án
- Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật - Công nghệ - Kinh tế Simco Sông Đà	Hà Nội	Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng, dạy nghề
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Simco Sông Đà - Xí nghiệp Xây dựng Simco Sông Đà	Hà Nội	Xây dựng, kinh doanh nhà, hạ tầng, vật tư, máy móc thiết bị

##### **Các công ty con:**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
- Công ty TNHH Simco Sông Đà	Hòa Bình	Sản xuất giấy, các sản phẩm từ giấy

##### **Các công ty liên kết:**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Đoà	Gia Lai	Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện, xây dựng, tư vấn thiết kế
- Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điện	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại rượu
- Công ty Cổ phần May xuất khẩu Sông Đà	Hòa Bình	Sản xuất, kinh doanh hàng may mặc
- Công ty Cổ phần Tự động hóa và Công nghệ Thông tin Sông Đà	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh phần mềm, tư vấn thiết kế trong lĩnh vực CNTT

##### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, dịch vụ, thương mại.

##### **Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103002544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 21/07/2003, và các đăng ký thay đổi, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Hoạt động xuất khẩu lao động (theo quy định của pháp luật);
- Dịch vụ tư vấn dự học;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh: vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng, máy móc thiết bị, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ từ tre, nứa;
- Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh dịch vụ thể thao vui chơi giải trí;
- Kinh doanh máy móc thiết bị, linh kiện điện tử, tin học, máy tính, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị viễn thông, truyền thông, thiết bị điện tử điều khiển, thiết bị phát sóng;
- Tư vấn thiết kế trang web, lắp đặt mạng máy tính, thi công mạng điện tử viễn thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ quản lý các khu đô thị;
- Thành lập các trung tâm thương mại, trung tâm nghiên cứu ứng dụng phục vụ cho các ngành nghề kinh tế quốc dân trong và ngoài nước;
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phần mềm và phát triển công nghệ tin học;
- Tư vấn nghiên cứu ứng dụng phát triển và chuyển giao công nghệ kỹ thuật cao;
- Thiết kế, thi công, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống mạng và thiết bị máy tính, điện tử, tin học, viễn thông, truyền thông (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị vật liệu điện;
- Sản xuất và kinh doanh nước giải khát, nước khoáng, nước tinh lọc;
- Sản xuất và kinh doanh các loại hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Nghiên cứu sản xuất một số loại vật liệu xây dựng;
- Buôn bán các mặt hàng về hóa mỹ phẩm (cho cả nam và nữ);
- Mở các trung tâm nuôi dưỡng, chăm sóc người già Việt Nam và người già nước ngoài (không bao gồm dịch vụ khám chữa bệnh);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ khai thuế hải quan;
- Xây dựng và kinh doanh các công trình cơ sở hạ tầng;
- Đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ nghề cho các nghề thuộc lĩnh vực xây dựng (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng phục vụ xuất khẩu lao động (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Kinh doanh thu gom, tái chế và xuất khẩu vật tư thiết bị điện, điện tử, nhựa, kim loại;
- Mua bán rác phế liệu, thủy tinh, cao su phế thải, nhựa đã qua sử dụng, thạch cao phế phẩm, sắt thép phế liệu, đồng nát;
- Mua bán và vận chuyển than;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân;
- Sản xuất và mua bán mũ bảo hiểm;
- Thiết kế sản xuất thời trang đồ nội ngoại thất (không bao gồm thiết kế nội ngoại thất công trình);
- Sáng tác, sản xuất và mua bán các loại tượng phù điêu, tranh nghệ thuật;
- Thiết kế mẫu quảng cáo và thi công các hạng mục quảng cáo;
- In ấn tranh nghệ thuật, tranh truyền thống cổ động và các văn hóa phẩm được phép lưu hành (trừ hoạt động Nhà nước cấm);
- Sáng tác, lập dự án đầu tư, thi công xây dựng các công trình tượng đài, tranh hoành tráng, tranh nghệ thuật, tranh lịch sử (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Trang trí nội ngoại thất các công trình văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa, nhà bảo tàng, nhà văn hóa và các công trình xây dựng khác thuộc nhóm C và một số hạng mục thuộc nhóm B;
- Kinh doanh các sản phẩm vật tư, thiết bị chuyên ngành mỹ thuật, các sản phẩm mỹ thuật, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đến thời điểm 31/12/2009, Báo cáo tài chính các công ty liên kết chưa được kiểm toán. Ban giám đốc Công ty đánh giá số liệu trên báo cáo tài chính của các công ty liên kết sử dụng để hợp nhất không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hoạt động xây lắp, chi phí sản xuất kinh doanh được xác định như sau:

$$\text{Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ} = \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ} - \text{Giá vốn ghi nhận trong kỳ}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn ghi nhận trong kỳ} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng thực hiện dở dang đầu kỳ} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ}} \times \text{Giá trị sản lượng được nghiệm thu trong kỳ (Chủ đầu tư xác nhận)}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 năm

Giá trị lợi thế doanh nghiệp được hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp đánh giá khi thực hiện cổ phần hóa Công ty theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 16/04/2003, được phân loại là tài sản cố định vô hình và được khấu hao trong 10 năm.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Giá trị dàn giáo, cốp pha, dụng cụ phục vụ thi công công trình;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

Từ năm 2009, việc xử lý các khoản đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được ghi nhận theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính.

	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (từ 1 năm trở xuống)	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.
Công nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính.	

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 về chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, theo đó Công ty được áp dụng ưu đãi như đối với đơn vị thành lập mới theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp (được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo). Công ty đã thực hiện kê khai miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2004, năm 2005 và giảm 50% số thuế phải nộp trong năm 2006, năm 2007.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ngày 21/12/2006. Theo Công văn số 11924TC/CST ngày 20/10/2004, Công văn số 5248/TC-CST ngày 29/04/2005 và Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08/09/2006 của Bộ Tài chính thì Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi thực hiện niêm yết. Công ty thực hiện kê khai miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong năm 2008 và năm 2009.

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

**3 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền	15.247.141.268	28.328.576.791
- Tiền mặt	2.267.964.888	1.560.033.642
- Tiền gửi ngân hàng	12.979.176.380	26.768.543.149
Tương đương tiền	753.139.231	18.857.219.938
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	600.000.000	7.491.664.382
- Ủy thác quản lý vốn bằng tiền	153.139.231	11.365.555.556
<b>Cộng</b>	<b><u>16.000.280.499</u></b>	<b><u>47.185.796.729</u></b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Cho Tổng Công ty Sông Đà vay	134.476.634.351	208.805.044.837
Cho Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển vay	15.393.775.201	-
Cho Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà vay	-	500.000.000
Ủy thác quản lý vốn bằng tiền	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>151.870.409.552</u></b>	<b><u>209.305.044.837</u></b>

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Ứng trước khối lượng công trình	4.730.520.834	3.406.052.400
- Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc	2.881.009.000	1.581.722.000
- Dự án Đường bao phía tây Thị xã Hà Tĩnh	1.549.511.834	1.524.330.400
- Dự án Khu công nghiệp Phụng Hiệp, Thường Tín	300.000.000	300.000.000
Ứng trước cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ	202.992.439	153.088.872
<b>Cộng</b>	<b><u>4.933.513.273</u></b>	<b><u>3.559.141.272</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu các cá nhân tiền bán cổ phần Công ty CP Flygt	-	700.000.000
Phải thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi ủy thác quản lý vốn	102.324.272	413.658.586
Phải thu khác	425.650.832	354.753.646
<b>Cộng</b>	<b><u><u>527.975.104</u></u></b>	<b><u><u>1.468.412.232</u></u></b>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.018.211.397	2.012.201.902
Công cụ, dụng cụ	163.925.058	217.110.558
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.852.827.025	29.909.464.928
Thành phẩm	130.472.518	1.172.872.128
Hàng hoá	12.014.354.138	422.840.392
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>17.179.790.136</b>	<b>33.734.489.908</b>
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>(140.566.340)</b>	<b>(166.855.298)</b>
<b>Cộng</b>	<b><u><u>17.039.223.796</u></u></b>	<b><u><u>33.567.634.610</u></u></b>

**8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.273.708.772	2.200.519.134
<b>Cộng</b>	<b><u><u>2.273.708.772</u></u></b>	<b><u><u>2.200.519.134</u></u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

---

**9 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**10 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Lợi thế doanh nghiệp	Hệ thống Website	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
1. Số dư đầu kỳ	2.726.811.000	91.660.000	12.686.800	2.831.157.800
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	2.726.811.000	91.660.000	12.686.800	2.831.157.800
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư đầu kỳ	1.420.214.065	23.254.480	8.810.275	1.452.278.820
2. Số tăng trong kỳ	272.681.100	30.553.332	3.876.525	307.110.957
- Trích khấu hao	272.681.100	30.553.332	3.876.525	307.110.957
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	1.692.895.165	53.807.812	12.686.800	1.759.389.777
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Đầu kỳ	1.306.596.935	68.405.520	3.876.525	1.378.878.980
2. Cuối kỳ	1.033.915.835	37.852.188	-	1.071.768.023

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	43.228.273.362	58.454.498.596
- Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc	37.709.419.726	53.846.568.424
- Dự án Tuyến đường bao phía tây Thị xã Hà Tĩnh	197.101.144	2.594.093.028
- Dự án Khu Công nghiệp Phụng Hiệp, Thường Tín	2.262.839.675	2.011.963.508
- Các công trình Trường Cao đẳng nghề	2.382.404.271	1.873.636
- Dự án Lào Cai - Yên Bái	68.777.193	-
- Dự án mở rộng thị trường Canada	607.731.353	-
Mua sắm tài sản cố định	292.314.786	487.089.586
- Máy móc, thiết bị Trường Cao đẳng nghề	292.314.786	487.089.586
Sửa chữa lớn tài sản cố định	24.604.709	24.604.709
- Cài tạo nhà để xe, xưởng thực hành Trường Cao đẳng nghề	24.604.709	24.604.709
<b>Cộng</b>	<b>43.545.192.857</b>	<b>58.966.192.891</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	32.624.204.734	22.995.033.238
- Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	17.628.698.052	11.820.128.413
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điển	9.750.000.000	6.142.093.682
- Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	2.262.615.629	2.206.611.125
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	2.982.891.053	2.826.200.018
Đầu tư dài hạn khác	22.759.000.000	7.759.000.000
<b>Cộng</b>	<b>55.383.204.734</b>	<b>30.754.033.238</b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2009 như sau:

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ vốn góp cam kết	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ lợi ích	Giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm 31/12/2009
- Công ty CP Thủy điện Đăk Đoa	28,57%	33,33%	30,26%	17.600.000.000
+ Vốn góp của Công ty	26,47%	30,26%		15.980.000.000
+ Vốn nhận ủy thác của CBCNV (*)	2,10%	3,07%		1.620.000.000
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điển	30,00%	33,62%	13,79%	9.750.000.000
+ Vốn góp của Công ty	14,00%	13,79%		4.000.000.000
+ Vốn nhận ủy thác của CBCNV (*)	16,00%	19,83%		5.750.000.000
- Công ty CP May xuất khẩu Sông Đà	41,00%	40,97%	40,97%	1.896.044.307
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	35,00%	35,83%	35,83%	2.900.000.000

(\*) Đây là các khoản nhận ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên Công ty theo các hợp đồng ủy thác đầu tư. Theo đó, Công ty được ủy thác để góp vốn và thực hiện các quyền, nghĩa vụ liên quan với tư cách là cổ đông của bên nhận góp vốn.

**Đầu tư dài hạn khác:**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Góp vốn thành lập công ty	7.759.000.000	7.759.000.000
- Công ty CP Sắt Thạch Khê	759.000.000	759.000.000
- Công ty CP Cao su Phú Riềng - Kratie	3.300.000.000	3.300.000.000
- Công ty CP Đầu tư Vĩnh Sơn	2.100.000.000	2.100.000.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	1.100.000.000	1.100.000.000
- Công ty CP ĐTPT Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu chuyển đổi Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	15.000.000.000	-
- Vốn của Công ty	12.545.000.000	-
- Vốn nhận ủy thác của CBCNV	2.455.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>22.759.000.000</b>	<b>7.759.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	329.448.007	395.293.090
Chi phí sửa chữa tài sản cố định chờ phân bổ	38.581.560	101.787.832
Chi phí giàn giáo, cốp pha, dụng cụ phục vụ thi công	205.524.030	831.334.870
<b>Cộng</b>	<b>573.553.597</b>	<b>1.328.415.792</b>

**14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	65.320.785.732	153.495.122.715
- Dự án Tiểu khu đô thị mới Vạn Phúc	52.192.660.174	98.057.024.760
- Dự án Tuyến đường bao phía tây Thị xã Hà Tĩnh	12.092.446.805	55.038.820.000
- Công trình HH4 - CN Công ty CP Sông Đà 1 tại Hà Nội	90.000.000	90.000.000
- Công trình của Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	945.653.268	219.363.000
- Trả trước tiền mua giấy	25.485	89.914.955
Doanh thu chưa thực hiện	9.471.134.517	14.033.039.378
- Phí dịch vụ xuất khẩu lao động	9.355.725.480	13.800.085.815
- Phí dịch vụ đào tạo	108.785.837	189.806.463
- Phí dịch vụ nội trú	6.623.200	43.147.100
<b>Cộng</b>	<b>74.791.920.249</b>	<b>167.528.162.093</b>

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	19.133.916	-
Thuế Thu nhập cá nhân	135.580.529	124.434.012
<b>Cộng</b>	<b>154.714.445</b>	<b>124.434.012</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	34.716.200	58.706.200
Trích trước chi phí vật tư cho các công trình	163.965.657	-
Phí kiểm toán	130.000.000	98.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	102.300.000
Tiền ăn ca	37.920.000	61.624.000
Trích trước chi phí khác	2.258.160	277.692.585
<b>Cộng</b>	<b><u>368.860.017</u></b>	<b><u>598.322.785</u></b>

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	235.659.589	245.665.656
Bảo hiểm xã hội	100.611.886	28.808.101
Bảo hiểm y tế	26.688.646	16.306.718
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	914.994.695	3.281.824.695
Phải trả đối tác nước ngoài về xuất khẩu lao động	4.662.539.671	4.499.281.582
Phải trả tiền nhân công thuê ngoài phục vụ thi công	1.410.149.000	1.767.744.000
Phải trả tiền nhận ủy thác đầu tư của CBCNV	9.825.000.000	6.720.000.000
Phải trả tiền xuất cảnh của lao động xuất khẩu	230.851.032	988.995.344
Phải trả tiền chuyển nhượng vốn Công ty TNHH Simco Sông Đà	280.000.000	-
Vay cá nhân không chịu lãi	1.208.789.600	1.208.789.600
Tiền đền bù di dời tài sản trên đất	240.681.000	-
Phải trả, phải nộp khác	1.797.658.775	1.016.100.714
<b>Cộng</b>	<b><u>20.933.623.894</u></b>	<b><u>19.773.516.410</u></b>

**18 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác là các khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện hợp đồng của người lao động theo các hợp đồng đưa lao động đi làm việc tại nước ngoài.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

---

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90.999.890.000	90.999.890.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	90.999.890.000	70.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	20.999.890.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	90.999.890.000	90.999.890.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.099.821.000	13.999.926.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	9.099.821.000	6.999.962.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	6.999.964.000

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2009 của Đại Hội đồng Cổ đông, Công ty công bố việc chi trả cổ tức của năm 2008 là 16.099.785.000 VND. Trong đó, đã tạm ứng đợt 1 năm 2008 là 6.999.964.000 VND và thanh toán trong năm 2009 là 9.099.821.000 VND.

**d) Cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.099.989	9.099.989
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.099.989	9.099.989
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.099.989	9.099.989
Số lượng cổ phiếu được mua lại	168	168
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	168	168
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.099.821	9.099.821
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.099.821	9.099.821
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	14.665.377.519	34.637.172
Quỹ dự phòng tài chính	5.817.066.994	4.317.589.397
<b>Cộng</b>	<b>20.482.444.513</b>	<b>4.352.226.569</b>

**20 . NGUỒN KINH PHÍ**

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	427.460.000	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.070.000.000	1.424.290.000
Nguồn kinh phí không chi hết	(135.180.000)	-
Chi sự nghiệp	(1.362.100.000)	(996.830.000)
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>180.000</b>	<b>427.460.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng hóa	-	15.234.010.129
Doanh thu bán thành phẩm	-	229.900.746
Doanh thu cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động, đào tạo	26.351.874.177	23.752.688.084
Doanh thu kinh doanh hạ tầng, hợp đồng xây dựng	128.058.217.353	11.421.792.278
Doanh thu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và doanh thu khác	1.724.452.705	468.930.561
Doanh thu kinh doanh gỗ, giấy và sản phẩm từ giấy	4.572.919.434	7.335.741.927
<b>Cộng</b>	<b>160.707.463.669</b>	<b>58.443.063.725</b>

**22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	-	15.212.606.689
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	206.743.720
Giá vốn của dịch vụ xuất khẩu lao động, đào tạo đã cung cấp	7.910.717.433	9.185.178.352
Giá vốn kinh doanh hạ tầng, hợp đồng xây dựng	112.611.219.145	7.271.214.482
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	84.099.957
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và giá vốn khác	1.672.432.142	189.212.636
Giá vốn kinh doanh gỗ, giấy và sản phẩm từ giấy	4.662.924.254	6.149.120.122
<b>Cộng</b>	<b>126.857.292.974</b>	<b>38.298.175.958</b>

**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, ủy thác quản lý vốn	21.503.387.055	35.162.581.390
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	2.380.979.786
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	113.350.570	59.558.128
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	108.040.615
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	771.365
<b>Cộng</b>	<b>21.616.737.625</b>	<b>37.711.931.284</b>

**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền ký quỹ, ký cược	54.688.511	129.858.253
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	164.913.928	25.625.340
Chi phí tài chính khác	18.032.925	-
<b>Cộng</b>	<b>237.635.364</b>	<b>155.483.593</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	718.473.343	875.390.644
Chi phí nhân công	8.767.165.263	8.170.667.158
Chi phí khấu hao tài sản cố định	844.282.984	1.036.404.619
Thuế, phí, lệ phí	51.438.826	26.340.000
Chi phí dự phòng	-	80.048.217
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.916.028.605	1.865.888.753
Chi phí khác bằng tiền	2.547.521.001	4.240.326.668
<b>Cộng</b>	<b>14.844.910.022</b>	<b>16.295.066.059</b>

**26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	3.529.427.648	-
<b>Cộng</b>	<b>3.529.427.648</b>	<b>-</b>

(\*) Năm 2009, Công ty mẹ đã hạch toán giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp theo đăng ký của Công ty với cơ quan thuế về việc giảm thuế đối với các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Cơ quan thuế chưa có văn bản trả lời đối với Công ty về nội dung này. **Trong trường hợp Công ty mẹ không được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp niêm yết thì số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm tăng thêm là: 3.529.427.648 VND (xem chi tiết tại thuyết minh số 26 trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ).**

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	37.286.388.307	42.411.205.026
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.286.388.307	42.411.205.026
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.099.821	9.099.821
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.097	4.661

**28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Năm 2009 VND</b>
Góp vốn vào công ty		
- Công ty CP Thủy điện Đak Đoa	Công ty liên kết	5.800.000.000
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điện	Công ty liên kết	3.250.000.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp		
- Công ty CP Sông Đà 3	Thành viên Tcty	6.590.910
- Công ty CP Máy xuất khẩu Sông Đà	Công ty liên kết	81.849.091
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điện	Công ty liên kết	1.066.588.182
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	250.241.600
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		
- Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ	960.968.776
- Công ty CP Sông Đà 27	Thành viên Tcty	1.059.594.545
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	5.960.655.936
Lãi ủy thác quản lý vốn		
- Công ty CP Tài chính Sông Đà	Thành viên Tcty	637.025.093
Lãi cho vay vốn		
- Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ	18.751.360.789
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điện	Công ty liên kết	181.527.046

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>31/12/2009 VND</b>
Phải thu tiền cho vay		
- Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ	134.476.634.351
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điện	Công ty liên kết	15.393.775.201
Phải thu tiền bán, tiền ứng trước		
- Công ty CP Sông Đà 3	Thành viên Tcty	7.250.000
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	5.471.698.000
Phải thu vốn ủy thác		
- Công ty CP Tài chính Sông Đà	Thành viên Tcty	2.153.139.231
Phải trả tiền mua, tiền nhận ứng trước		
- Công ty CP Xi măng Sông Đà	Thành viên Tcty	59.120.000
- Công ty CP Sông Đà 27	Thành viên Tcty	1.111.711.100
- Công ty CP Rượu Việt Nam - Thủy Điện	Công ty liên kết	945.653.268
- Công ty CP Tự động hóa và CNTT Sông Đà	Công ty liên kết	8.098.612.883

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**30 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) kiểm toán.

**Thay đổi số liệu năm trước do áp dụng hồi tố thuế TNDN được miễn giảm năm 2008**

Công ty thực hiện chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002 về chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, theo đó Công ty được áp dụng ưu đãi như đối với đơn vị thành lập mới theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 quy định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp (được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo). Công ty đã thực hiện kê khai miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2004, năm 2005 và giảm 50% số thuế phải nộp trong năm 2006, năm 2007.

Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ngày 21/12/2006. Theo Công văn số 11924TC/CST ngày 20/10/2004, Công văn số 5248/TC-CST ngày 29/04/2005 và Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08/09/2006 của Bộ Tài chính thì Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi thực hiện niêm yết. Công ty thực hiện kê khai miễn giảm 50% số thuế phải nộp trong năm 2008 và năm 2009.

Trong Báo cáo tài chính năm 2008, Công ty mới hạch toán giảm 50% thuế TNDN. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm 2009, Công ty đã phát hiện ra sai sót và thực hiện việc điều chỉnh tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2008, thực hiện điều chỉnh hồi tố sai sót nêu trên trong số liệu so sánh năm 2008.

Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại do điều chỉnh hồi tố số liệu năm trước:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã số</b>	<b>Trình bày lại VND</b>	<b>báo cáo năm trước</b>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	2.200.519.134	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	124.434.012	3.727.051.298
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	35.654.909.718	29.851.773.298
<b>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	5.803.136.420
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	42.462.064.699	36.658.928.279
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62	42.411.205.026	36.608.068.606
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.661	4.023

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2010

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Phạm Thị Đà Giang**

**Lê Thị Thủy**

**Đặng Thị Thương**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>16.368.340.175</b>	<b>5.692.498.330</b>	<b>3.001.066.683</b>	<b>1.359.854.560</b>	-	<b>26.421.759.748</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	<b>482.026.721</b>	<b>800.019.991</b>	-	<b>61.663.833</b>	-	<b>1.343.710.545</b>
- Mua sắm mới	-	778.953.247	-	61.663.833	-	840.617.080
- Tăng khác	482.026.721	21.066.744	-	-	-	503.093.465
<b>3. Số giảm trong năm</b>	-	<b>1.055.706.537</b>	-	-	-	<b>1.055.706.537</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.055.706.537	-	-	-	1.055.706.537
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>16.850.366.896</b>	<b>5.436.811.784</b>	<b>3.001.066.683</b>	<b>1.421.518.393</b>	-	<b>26.709.763.756</b>
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>4.057.115.593</b>	<b>2.508.395.517</b>	<b>1.029.562.655</b>	<b>1.149.530.508</b>	-	<b>8.744.604.273</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	<b>976.481.939</b>	<b>701.271.042</b>	<b>500.177.796</b>	<b>148.614.865</b>	-	<b>2.326.545.642</b>
- Trích khấu hao	962.977.264	701.271.042	500.177.796	148.614.865	-	2.313.040.967
- Tăng khác	13.504.675	-	-	-	-	13.504.675
<b>3. Số giảm trong năm</b>	-	<b>907.308.138</b>	-	-	-	<b>907.308.138</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	893.803.463	-	-	-	893.803.463
- Giảm khác	-	13.504.675	-	-	-	13.504.675
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>5.033.597.532</b>	<b>2.302.358.421</b>	<b>1.529.740.451</b>	<b>1.298.145.373</b>	-	<b>10.163.841.777</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Đầu năm</b>	<b>12.311.224.582</b>	<b>3.184.102.813</b>	<b>1.971.504.028</b>	<b>210.324.052</b>	-	<b>17.677.155.475</b>
<b>2. Cuối năm</b>	<b>11.816.769.364</b>	<b>3.134.453.363</b>	<b>1.471.326.232</b>	<b>123.373.020</b>	-	<b>16.545.921.979</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SIMCO SÔNG ĐÀ**

Nhà G10, Phường Thanh Xuân Nam,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (*)	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>(360.000)</b>	-	<b>34.565.172</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>24.951.773.727</b>	<b>96.985.978.899</b>
Tăng vốn trong năm trước	20.999.890.000	-	-	-	-	-	20.999.890.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	42.411.205.026	42.411.205.026
Tăng khác	-	(1.322.000)	-	14.000.000.000	2.317.589.397	-	16.316.267.397
Giảm khác	-	-	-	13.999.928.000	-	31.708.069.035	45.707.997.035
<b>Số dư đầy năm nay</b>	<b>90.999.890.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	-	<b>34.637.172</b>	<b>4.317.589.397</b>	<b>35.654.909.718</b>	<b>131.005.344.287</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	37.286.388.307	37.286.388.307
Tăng từ trích lập các quỹ	-	-	-	14.630.740.347	1.499.477.597	-	16.130.217.944
Tăng khác	-	-	-	-	-	357.906.318	357.906.318
Phân phối quỹ, chi trả cổ	-	-	-	-	-	27.456.529.934	27.456.529.934
Giảm khác	-	-	101.897.617	-	-	-	101.897.617
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>90.999.890.000</b>	<b>(1.682.000)</b>	<b>(101.897.617)</b>	<b>14.665.377.519</b>	<b>5.817.066.994</b>	<b>45.842.674.409</b>	<b>157.221.429.305</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Tổng Công ty Sông Đà	46.410.000.000	51,00%	46.410.000.000	51,00%
Vốn góp của đối tượng khác	44.589.890.000	49,00%	44.589.890.000	49,00%
<b>Cộng</b>	<b>90.999.890.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>90.999.890.000</b>	<b>100,00%</b>